

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN



Số.....211/GP-BNNMT.....

Ngày cấp.....27/7/2026.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:211 /GP-BNNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ủy quyền ký các văn bản liên quan thuộc lĩnh vực biển và hải đảo theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Phiếu trình số 337/PT-BHĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

Căn cứ ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng tại Công văn số 2358/BQP-TM ngày 11 tháng 4 năm 2026, Cục An ninh Kinh tế (Bộ Công an) tại Công văn số 8375/ANKT-P8 ngày 19 tháng 5 năm 2026, Bộ Xây dựng tại Công văn số

5853/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại Công văn số 3736/SNNMT-KSBHD ngày 09 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện) (công trình thực hiện năm 2025 - 2026 - 2027 - 2028)”;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển ngày 09 tháng 3 năm 2026; Dự án nhận chìm ở biển được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 3630/CHHĐTVN-KHCNMT ngày 05 tháng 6 năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm:
 - a) Tên chất nhận chìm: Chất nạo vét;
 - b) Khối lượng chất nhận chìm: 6.138.000 m³ (được phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-BXD ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng);
 - c) Thành phần của chất nhận chìm: Bùn, sét, cát. Chất nhận chìm không chứa chất phóng xạ, chất độc, chất thải nguy hại vượt quy chuẩn an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm: Tại khu vực biển thành phố Hải Phòng.
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là 213,42 ha, được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ cụ thể (D1-1, D1-2, D1-3, D1-4), độ sâu được phép sử dụng từ 17,00 m đến 20,73 m (Hệ cao độ Hải đồ), được thể hiện chi tiết trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Giấy phép này.
4. Phương tiện, thiết bị chuyên chở và nhận chìm: tàu hút bụng tự hành loại lớn (công suất từ 5.000 CV đến 16.000 CV, 03 tàu), tàu hút bụng tự hành loại nhỏ (công suất < 5.000 CV, 03 tàu), máy đào gầu dây (công suất ≤ 2.600 CV, 06 máy), sà lan vận chuyển (công suất ≤ 2.000 CV, 18 sà lan), tàu kéo (công suất ≤ 1.200 CV, tối đa 04 tàu); khối lượng chất nhận chìm tối đa là 66.262 m³/ngày; nhận chìm vật, chất nạo vét bằng hình thức xả đáy.
5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường: chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.
6. Thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm là 36 tháng kể từ ngày Giấy phép nhận chìm ở biển có hiệu lực (không thi công nhận chìm ở biển trong điều kiện thời tiết có bão, thời gian thi công nhận chìm cụ thể được nêu trong Dự án nhận chìm ở biển).

Điều 2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển và các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật; bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, phục hồi môi trường do hoạt động nhận chìm gây ra.

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các cơ quan có liên quan làm cơ sở cho việc theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm, sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và trong Dự án nhận chìm ở biển; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, đảm bảo an toàn lao động, an toàn hàng hải, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

Trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn hoặc nhận chìm không đúng vị trí hoặc không đúng thành phần của chất nhận chìm theo Điều 1 Giấy phép này hoặc khối lượng bị hao hụt trong quá trình vận chuyển chất nhận chìm hoặc một trong các thông số giám sát môi trường vượt giới hạn cho phép thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm ở biển, trường hợp phát hiện có khoáng sản phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định; không được mua bán, chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp hoặc mục đích khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật, chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với hoạt động thi công nạo vét, vận chuyển, đổ chất nạo vét tại vị trí được cấp phép nhận chìm, trình

Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức triển khai dự án; thực hiện thi công nạo vét, vận chuyển, nhận chìm chất nạo vét đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác trong khu vực; chấp hành đúng quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ, không để ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

7. Thực hiện các nghĩa vụ cụ thể như sau:

a) Chấp hành quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, pháp luật về đa dạng sinh học, pháp luật về thủy sản; thực hiện đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm ở biển; bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, đánh giá và các kết quả tính toán nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển. Chịu trách nhiệm về kết quả tính toán khối lượng vật, chất nạo vét đề nghị nhận chìm;

b) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động nhận chìm trong suốt quá trình nhận chìm ở biển;

c) Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên hợp pháp ở biển của tổ chức, cá nhân khác;

d) Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động thi công nạo vét và nhận chìm ở biển khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

đ) Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái khu vực nạo vét, nhận chìm.

Các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm phải được thực hiện theo các nội dung trong Dự án nhận chìm ở biển và theo các yêu cầu tại Giấy phép này;

e) Thực hiện việc quan trắc, giám sát môi trường biển và chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động nhận chìm như sau:

- Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển; hằng tháng và sau khi kết thúc nhận chìm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng và các cơ quan liên quan.

- Thực hiện giám sát vị trí, hành trình, khối lượng chất nhận chìm theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Định kỳ phân tích thành phần chất nhận chìm để đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường (thông số phân tích theo quy định của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT).

- Tiến hành quan trắc và kiểm chứng số liệu thực tế trong quá trình nhận chìm để đối chiếu với các dự báo tác động môi trường từ kết quả mô hình đã được Chủ dự án kế thừa trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo kịp thời cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cùng các cơ quan chức năng liên quan trong trường hợp diễn biến thực tế có sai lệch so với đánh giá trong Hồ sơ và có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường biển, để có biện pháp xử lý.

g) Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, tràn dầu, cháy nổ, mất an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động thi công nạo vét và nhận chìm ở biển không đúng quy định của mình gây ra; phối hợp với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư có sinh kế bị ảnh hưởng bởi hoạt động nhận chìm lập phương án đền bù và thực hiện hỗ trợ thỏa đáng, tạo sự đồng thuận từ chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường gây thiệt hại tới cộng đồng dân cư và môi trường tự nhiên do quá trình thực hiện thi công nạo vét và nhận chìm ở biển gây ra.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chỉ được phép tiến hành nhận chìm ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Ngọc Điệp (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, CA, XD;
- Bộ NN&MT: Văn phòng Bộ, Cục Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- UBND thành phố Hải Phòng, Sở NNMT thành phố Hải Phòng;
- Quân chủng Hải Quân; Cảnh sát biển Việt Nam;
- Bộ đội Biên phòng; Bộ Tư lệnh Quân khu 3;
- BCH Bộ đội Biên phòng thành phố Hải Phòng;
- Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng;
- Lưu: HS, VT, BHD.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM**



Nguyễn Quốc Toàn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“CÔNG TRÌNH NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI HẢI PHÒNG
(ĐOẠN LẠCH HUYỆN) (CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN
NĂM 2025 - 2026 - 2027 - 2028)”**

(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số/GP-BNNMT ngày
tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1 Thông tin chung

- Tên Dự án: Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện) (công trình thực hiện năm 2025 - 2026 - 2027 - 2028).

- Địa điểm thực hiện Dự án: Tuyến luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện) trải dài từ phao số “0” đến Vũng quay trở tàu phía trước cầu cảng số 1, số 2 - Bến cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HICT) thuộc địa phận đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Chủ dự án: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Mục tiêu của Dự án: nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện) nhằm đảm bảo duy trì độ sâu luồng tàu, phục vụ các phương tiện thủy hành hải an toàn hiệu quả và đáp ứng nhu cầu phát triển cảng biển khu vực Hải Phòng. Dự án nằm trong Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải năm 2026 của Bộ Xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-BXD ngày 24 tháng 12 năm 2025.

1.2. Quy mô, công suất

- Khu vực nạo vét tuyến luồng: đoạn luồng bắt đầu từ phao số “0” kéo dài đến Vũng quay trở tàu phía trước cầu cảng số 1, số 2 - Bến cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HICT), với tổng chiều dài đoạn luồng khoảng 20,66km.

- Tổng khối lượng vật chất nạo vét và nhận chìm ở biển: 6.138.000 m³ (theo phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-BXD ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng). Chuẩn tắc thiết kế của tuyến luồng như sau: cao độ đáy luồng và VQT H = -14,0/-13,5 m (hệ cao độ Hải đồ), bề rộng đáy luồng B = 160 m, đường kính Vũng quay tàu D = 660 m, mái dốc nạo vét m = 5/10/15. Toàn bộ chất nạo vét sẽ được nhận chìm ở biển. Thời gian thi công: Năm 2026 khoảng 109 ngày. Các năm 2027, 2028 thời gian thi công mỗi năm được chia thành 02 đợt, với tổng thời gian mỗi năm khoảng 155 ngày/năm.

- Khu vực nhận chìm: Có diện tích khoảng 213,42 ha, nằm trong khu vực D1 thuộc thành phố Hải Phòng (cách phao số “0” luồng Lạch Huyện khoảng 4,6 km). Khu vực này đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chấp thuận chủ trương tại văn bản số 1571/UBND-MT ngày 23 tháng 6 năm 2025, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ khép góc như sau:

Bảng 1. Tọa độ khống chế khu vực nhận chìm D1

STT	Điểm	Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3 ⁰		Hệ tọa độ VN-2000	
		X (m)	Y (m)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	D1-1	2281778.9	629042.2	20°37'28.60"	106°59'17.25"
2	D1-2	2280159.5	630444.6	20°36'35.60"	107°00'05.25"
3	D1-3	2278884.5	628629.8	20°35'54.60"	106°59'02.25"
4	D1-4	2280567.1	627429.8	20°36'49.60"	106°58'21.25"

1.3. Công nghệ thi công

- Thực hiện nạo vét bằng tàu hút bụng tự hành tại hầu hết khu vực luồng và vùng quay tàu. Đối với phạm vi hẹp, sử dụng kết hợp máy đào gầu dây và sà lan vận chuyển nhằm đảm bảo chuẩn tắc thiết kế. Chất nạo vét được vận chuyển, nhận chìm bằng hình thức xả đáy; toàn bộ quá trình di chuyển, xả thải được kiểm soát tọa độ qua hệ thống định vị DGPS. Quá trình thi công bảo đảm an toàn hàng hải và không cản trở giao thông thủy trên tuyến luồng Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện).

- Năng suất nhận chìm tối đa: 66.262 m³/ngày.

- Phương tiện thi công chính:

+ 03 tàu hút bụng tự hành loại lớn công suất 5.000 CV đến 16.000 CV;

+ 03 tàu hút bụng tự hành loại nhỏ công suất <5.000CV;

+ 06 máy đào gầu dây công suất ≤ 2.600 CV;

+ 18 sà lan xả đáy phục vụ vận chuyển chất nạo vét trọng tải ≤ 2.000 CV.

+ 04 tàu kéo công suất ≤ 1.200 CV.

(Lưu ý: Trong quá trình thi công, trường hợp có thay đổi về phương án thi công, số lượng, chủng loại hoặc năng lực của phương tiện nhận chìm so với nội dung Giấy phép này, Chủ đầu tư phải lập hồ sơ báo cáo giải trình và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP).

1.4. Phạm vi

- Các hoạt động của Dự án được đánh giá tác động môi trường bao gồm:

+ Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.

+ Hoạt động nạo vét trên tuyến luồng như tại Mục 1.2 nêu trên.

+ Hoạt động vận chuyển chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực nhận chìm (cự ly khoảng 19 - 24 km).

+ Hoạt động nhận chìm ở biển chất nạo vét.

- Dự án không có hạng mục công trình phụ trợ; không thiết lập âu chứa tạm

vật, chất nạo vét; không bố trí bãi chứa tạm thời vật chất nạo vét và không bố trí lán trại, công trường thi công.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động nạo vét và nhận chìm chất nạo vét ở biển làm gia tăng độ đục và lan truyền TSS, tác động tới hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản và chất lượng nước biển.

- Hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công; hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.

- Hoạt động bảo dưỡng tàu, thiết bị phát sinh chất thải nguy hại (cặn dầu, giẻ lau dính dầu).

- Hoạt động của công nhân trên các phương tiện thi công....

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

Giai đoạn thi công:

- + Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của khoảng 256 công nhân phát sinh khoảng 20,48 m³/ngày.

- + Nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển chất nạo vét. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công: Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển chất nạo vét đi nhận chìm tiêu thụ lượng nhiên liệu tối đa là 110.178 lít dầu DO/ngày, làm phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn thi công: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của khoảng 256 công nhân tham gia thi công trên tàu. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, vỏ chai lọ, giấy báo, túi ni lông...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị, thay dầu, bảo dưỡng với tổng khối lượng dự kiến khoảng 6.502,98 kg (gồm giẻ lau dính dầu, cặn dầu thải)..

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ quá trình nạo vét, vận chuyển, nhận chìm của các thiết bị máy móc công suất lớn tác động đến môi trường xung quanh, tuy nhiên do thực hiện cách xa khu dân cư nên mức độ ảnh hưởng không lớn.

3.4. Các tác động khác

- Suy giảm chất lượng nước, gia tăng độ đục cục bộ và hàm lượng chất rắn lơ lửng tại các vị trí nạo vét của tuyến luồng và khu vực nhận chìm, tác động tới đời sống của các sinh vật trong khu vực và hoạt động lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy hải sản của người dân địa phương tại một số vị trí xung quanh (như bãi nuôi ngao, các đầm nuôi thủy sản tại đặc khu Cát Hải và kênh lấy nước phía đầu phà Cái Viêng).

- Rủi ro ảnh hưởng và gây ách tắc giao thông hàng hải do luồng Lạch Huyện là cửa ngõ giao thông tập nập.

- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu, tai nạn giao thông thủy do va chạm giữa phương tiện thi công và tàu thương mại ra vào bến.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: sử dụng các phương tiện thi công có trang bị nhà vệ sinh, kết chứa để chứa nước thải sinh hoạt (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện). Định kỳ, các phương tiện thi công sẽ cập bờ, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển chất nạo vét: thường xuyên kiểm tra các đường ống hút bùn, cát, đề phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi bùn cát; các tàu hút, tàu xả đáy không được chứa quá đầy vật chất nạo vét (không quá 90% thể tích khoang) để tránh nước ô nhiễm rò rỉ vào tuyến luồng, làm đục nguồn nước.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị cho công nhân các thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay

và các thiết bị an toàn cá nhân khác).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy để thu gom, phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt trên mỗi phương tiện tham gia thi công. Quy định công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa chất thải rắn trên phương tiện, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trên phương tiện trong thời gian thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu giữ an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý theo quy định khi các phương tiện thi công cập bờ.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án như đã đề xuất trong nội dung báo cáo dự án nhận chìm ở biển đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu sự lan truyền chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước mặt, nước biển

- Sử dụng tàu đào gầu dây có đáy gầu kín để tránh thất thoát bùn cát làm tăng độ đục, đồng thời chỉ sử dụng tàu đào gầu dây tại các vị trí có độ sâu nhỏ mà thiết bị tàu hút lớn không thi công được. Không thi công vào ngày có mưa gió lớn.

- Các phương tiện vận chuyển chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, chuyên chở đúng tải trọng cho phép để hạn chế tình trạng rơi vãi chất nạo vét; không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm; lắp đặt thiết bị AIS (thiết bị tự động nhận dạng), camera và máy ảnh trên các tàu, sà lan để giám sát trực tiếp hành trình vận chuyển và định vị chính xác vị trí nhận chìm, đảm bảo kiểm soát việc nhận chìm đúng vị trí. Giám sát liên tục đối với từng chuyến tàu nhận chìm chất nạo vét. Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng giám sát hành trình tàu nhận chìm thông qua thiết bị tự động nhận dạng.

- Tiến hành kiểm tra độ sâu đáy luồng, thu dọn công trường, di chuyển các thiết bị thi công nạo vét, các phao tín hiệu, biển báo tạm, các chương ngại vật (nếu có) phát sinh trong quá trình thi công.

- Chỉ thực hiện nhận chìm vào thời điểm có điều kiện thời tiết phù hợp, không tiến hành vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét vào những ngày biển động và có mưa bão lớn.

- Thực hiện quá trình nhận chìm ở biển theo đúng vị trí quy định. Nhằm đảm bảo lớp vật liệu được trải đều trên toàn bộ diện tích 213,42 ha được cấp phép và giảm diện tích phát tán TSS, tiến hành nhận chìm lần lượt theo các ô lưới (mỗi ô được định tính nhận chìm với khối lượng tương đối bằng nhau) tại khu vực nhận chìm.

- Khi xả chất nạo vét xuống khu vực biển phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng. Thực hiện xả đáy nhận chìm chất nạo vét theo từng lớp, tránh hiện tượng tạo địa hình lồi lõm cho đáy biển. Sau khi hết thời gian nhận chìm chất nạo vét, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường của Dự án tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện nghiêm chỉnh việc nhận chìm ở biển theo đúng quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo và các quy định khác có liên quan; áp dụng biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, nhận chìm, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên

và Môi trường quy định định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT.

4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ dầu vào môi trường nước sông, nước biển

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu: giẻ lau, thùng chứa... để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống sông, biển.

- Không dùng nước để dội rửa phương tiện nạo vét, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ, sau đó thu gom giẻ dính dầu mỡ vào thùng đựng chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) và ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ tập huấn cho công nhân về công tác PCCC và ứng phó sự cố tràn dầu.

- Sử dụng phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; bố trí gờ vây gom dầu cho kết chứa, máy, thiết bị, khu vực thay dầu bảo dưỡng,... có sử dụng/phát sinh dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

4.4.3. Phòng ngừa ứng phó sự cố bồi lắng, xói lở đường bờ

- Tổ chức thi công theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định. Nạo vét đúng cao độ, độ dốc, chiều rộng đáy luồng theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ kế hoạch, thứ tự nạo vét cũng như kiểm tra, giám sát đúng theo thiết kế công trình được duyệt như phạm vi chiều rộng đáy luồng $B = 160$ m, đường kính vũng quay tàu $D = 660$ m, đảm bảo an toàn đường bờ, khu vực nạo vét không vượt biên luồng, cao độ, mái dốc, khối lượng nạo vét.... Thực hiện theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra xói, lở đường bờ tại khu vực thi công phải tạm dừng ngay hoạt động nạo vét tại khu vực có liên quan, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan chức năng và các bên liên quan để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác

động và phương án xử lý, khắc phục sự cố; trong trường hợp cần thiết, điều chỉnh phương án và các thông số nạo vét phù hợp để đảm bảo giảm thiểu tác động tới đường bờ, kè, cảnh quan và môi trường.

4.4.4. Giảm thiểu tác động đến hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản của người dân.

- Thông báo đến chính quyền địa phương về thông tin Dự án cũng như kế hoạch thi công của Dự án; kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thống nhất thời gian lấy nước của người dân địa phương. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân trong suốt quá trình thi công để kịp thời có biện pháp điều chỉnh.

- Thi công nhanh, đúng tiến độ, đảm bảo không gây tác động kéo dài tới hoạt động lấy nước của người dân.

- Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng nước tại các vị trí lấy nước của người dân để dự báo các tác động trong quá trình thi công tới hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản của cộng đồng dân cư địa phương, điều chỉnh hoạt động nạo vét khi cần thiết.

4.4.5. Giảm thiểu rủi ro dẫn tới các sự cố môi trường khác

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông thủy: thực hiện cấm phao báo hiệu khu vực thi công, nhận chìm; phân luồng tuyến đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền ra vào tuyến luồng. Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông trong điều tiết phương tiện thi công, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng trong hoạt động điều tiết giao thông; tuân thủ quy tắc báo hiệu Hàng hải Việt Nam, quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

- Không gây mất an toàn cho các phương tiện thủy trong khu vực và thông báo cho các cơ quan liên quan khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra để có kế hoạch ứng phó, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện liên quan đến việc nạo vét và vận chuyển chất nạo vét được bố trí đèn tín hiệu khi neo và khi di chuyển trên hành trình đến vị trí nhận chìm ở biển để không gây cản trở các phương tiện lưu thông trên luồng hàng hải ra vào cảng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

a) *Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại*

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong suốt thời gian thi công.

b) Giám sát chất lượng trầm tích

- Vị trí: 01 Vị trí có ký hiệu TT. Tại vị trí thi công nạo vét tại vũng quay tàu, Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3° : X: 2301608; Y: 620805.

- Tần suất: 01 lần/năm (thực hiện trong thời gian thi công nạo vét duy tu).

- Số lượng: 01 mẫu/vị trí/lần quan trắc.

- Thông số giám sát: Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Thủy ngân (Hg), Crôm (Cr), Đồng (Cu) và Tổng Hydrocacbon.

- Quy chuẩn áp dụng: so sánh với QCVN 43:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

c) Giám sát ảnh hưởng của hoạt động nạo vét tới chất lượng nước mặt

- Vị trí: 04 vị trí có ký hiệu từ NB1 đến NB4 trong khu vực tuyến luồng cũng như khu vực xung quanh khi thi công dự án. Các vị trí lấy mẫu được lựa chọn để đảm bảo đánh giá được sự thay đổi môi trường nước biển trong quá trình thi công đồng thời để kiểm tra chất lượng môi trường tự nhiên trong thời điểm dự án diễn ra. Vị trí giám sát như tại Bảng 2:

Bảng 2. Bảng tọa độ vị trí giám sát chất lượng nước mặt

TT	Ký hiệu	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°		Mô tả
		X (m)	Y (m)	
1	NB1	2302899,60	618984,23	Khu vực bãi nuôi ngao nằm tại vùng nước ở giữa cuối kênh Hà Nam và kênh Cái Tráp
2	NB2	2301451,64	621652,40	Khu vực rạch lấy nước vào đầm nuôi thủy sản thuộc đặc khu Cát Hải
3	NB3	2293523,58	625161,84	Khu vực tuyến luồng, gần khu vực thi công
4	NB4	2293596,41	630300,31	Khu vực vịnh Cái Giá, Cát Bà

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, Tổng dầu mỡ.

- Tần suất giám sát: 02 tuần/lần trong quá trình thi công nạo vét luồng.

- Số lượng: 02 mẫu/vị trí/lần quan trắc (tầng mặt, tầng đáy).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2 - mức B).

d) Giám sát ảnh hưởng do quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển

- Vị trí: 05 vị trí có ký hiệu TP1, TP2, TP3, TP4, TP5. Vị trí giám sát như tại Bảng 3:

Bảng 3. Bảng tọa độ vị trí giám sát chất lượng nước biển

TT	Ký hiệu	Tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°		Mô tả
		X (m)	Y (m)	
1	TP1	2287877	633069	Cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 8 km về phía Đông Bắc. Giám sát, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm tới vùng du lịch Cát Bà.
2	TP2	2284294	632801	Gần khu vực phao số 0. Giám sát, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm tới tuyến luồng
3	TP3	2281425	624984	Cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 4 km về phía Tây. Giám sát, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm tới vùng biển ven bờ khu vực Hòn Dấu và vùng du lịch Đồ Sơn.
4	TP4	2277576	625130	Cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 5 km về phía Tây Nam. Giám sát, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm tới vùng biển Thái Bình.
5	TP5	2280817	636937	Cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 8 km về phía Đông. Giám sát, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm tới vùng biển quần đảo Long Châu.

- Số lượng: 02 mẫu/vị trí/lần quan trắc (tầng mặt, tầng đáy).

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 02 tuần /lần trong quá trình thi công nạo vét luồng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

5.3. Giám sát khác

a) Giám sát thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Giám sát khối lượng, biện pháp thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải

rắn, chất thải nguy hại trên các phương tiện và khu vực thi công; thực hiện phân loại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Đơn vị chịu trách nhiệm: Tư vấn giám sát thi công.

b) Giám sát thu gom nước thải sinh hoạt

Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt trên các phương tiện thi công. Nhà thầu và Tư vấn giám sát báo cáo Chủ dự án định kỳ 01 tuần/lần; Chủ dự án định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ.

c) Giám sát sụt lở đường bờ khu vực thi công

Nhà thầu thường xuyên theo dõi hiện tượng sụt lở tại khu vực nạo vét; trường hợp xác định nguyên nhân do thi công, Chủ dự án yêu cầu tạm dừng thi công, tiến hành đền bù và khắc phục. Nhà thầu lập biên bản xử lý gửi Chủ dự án; Tư vấn giám sát thi công chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

6.1. Trong quá trình thi công nạo vét

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường kèm theo như sau:

- Thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định hiện hành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích, chuẩn tắc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới toàn thể cán bộ công nhân viên tham gia thực hiện Dự án.

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho Dự án theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trình Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng phê duyệt trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và phối hợp với cơ quan chức năng thông báo đến các chủ phương tiện vận tải thủy sử dụng tuyến luồng trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án. Thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công nạo vét.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn đắm và tàu thuyền, cháy, nổ, tràn dầu và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp

bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.2. Trong quá trình hoạt động nhận chìm ở biển

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường khi tiến hành hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển như sau:

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường của hoạt động nhận chìm, đảm bảo hoạt động nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt, nước biển khu vực nạo vét, nhận chìm của Dự án và lân cận.

- Sử dụng phương tiện và thiết bị nhận chìm phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ, đảm bảo chất nhận chìm ở biển không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực.

- Các phương tiện thực hiện việc nhận chìm phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi và hỗ trợ giám sát hoạt động vận chuyển, nhận chìm chất nạo vét theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát chặt chẽ quá trình nhận chìm, chất lượng nước biển khu vực nhận chìm và lân cận, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong hồ sơ cấp phép nhận chìm, đảm bảo nguyên tắc sau: Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với từng phương tiện tham gia nhận chìm chất nạo vét của nhà thầu; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét.

- Chủ dự án và tổ chức, cá nhân đã thực hiện tính toán mô hình dự báo lan truyền vật chất nhận chìm chịu trách nhiệm về số liệu và kết quả tính toán, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường. Trong quá trình nạo vét, nhận chìm chất nạo vét nếu phát hiện thấy những dấu hiệu ô nhiễm bất thường thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo kịp thời về các cơ quan quản lý chức năng để xem xét, giải quyết./.